TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2020/QĐST-DS	*T, ngày 14 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải tHnh ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải tHnh về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân Hng TMCP K (tên viết tắt là Ngân Hng K); địa chỉ trụ sở chính: Số 40-42-44 P, Phường V, tHnh phố R, tỉnh K.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1980, chức vụ: Trưởng Phòng khách Hng cá nhân kiêm Trưởng Phòng khách Hng doanh nghiệp; địa chỉ: Số 87 T, phường T, quận L, tHnh phố H; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 1203/QĐ-NHKL ngày 24/4/2018 và số 234/UQ-KLHP ngày 06/5/2020).

- *Bị đơn:* Anh Lê Xuân K, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983; đều có địa chỉ: Thôn 7, xã K, huyện T, tHnh phố H.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị M: Anh Lê Xuân K, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 7, xã K, huyện T, tHnh phố H; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/5/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957 và anh Lê Xuân C, sinh năm 1981; đều có địa chỉ: Thôn 7, xã K, huyện T, tHnh phố H.

Người đại diện hợp pháp của anh Lê Xuân C: Anh Lê Xuân K, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 7, xã K, huyện T, tHnh phố H; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/5/2020).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Lê Xuân K và chị Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân Hng K tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 06/5/2020 là 104.951.567 đồng (trong đó: Nợ gốc là 56.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 48.951.567 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số HD2821/HĐTD ngày 29/5/2013 và Giấy nhận nợ số HD2821.1/HĐTD ngày 29/5/2013.

Kể từ ngày 07/5/2020 cho đến khi thi Hnh án xong, bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật (Mức lãi suất các bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng).

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân Hng K thì lãi suất mà anh Lê Xuân K và chị Nguyễn Thị M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân Hng K theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân Hng K.

2.2. Anh Lê Xuân K và chị Nguyễn Thị M thanh toán nợ tại điểm 2.1. nêu trên theo phương án sau:

Trong thời hạn 06 tháng kể từ tháng 5 năm 2020, mỗi tháng anh Lê Xuân K và chị Nguyễn Thị M trả 5.000.000 (Năm triệu) đồng vào nợ gốc. Chậm nhất đến ngày 31/10/2020, anh Lê Xuân K và chị Nguyễn Thị M trả hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân Hng K. Nếu anh Lê Xuân K và chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị miễn, giảm một phần nợ lãi và lãi phát sinh thì Ngân Hng K sẽ xem xét miễn, giảm theo quy định của Ngân Hng K.

2.3. Trường hợp anh Lê Xuân K và chị Nguyễn Thị M vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ Hng tháng nào như điểm 2.2. thì Ngân Hng K được quyền yêu cầu Cơ quan thi Hnh án có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản bảo đảm sau để xử lý thu hồi toàn bộ khoản nợ: Quyền sử dụng diện tích 476m^2 đất ở và tài sản gắn liền

với đất tại thửa đất số 523, tờ bản đồ số 04, tại thôn 7, xã K, huyện T, tHnh phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 966802, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 20.QSDĐ/HP.TN.KB do Ủy ban nhân dân huyện T, tHnh phố H cấp ngày 18/3/2002 cho người sử dụng là hộ ông Lê Xuân Vờn.

2.4. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, nếu không đủ để trả nợ thì anh Lê Xuân K và chị Nguyễn Thị M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân Hng K, nếu thừa thì phần giá trị thừa được trả lại cho hộ ông Lê Xuân Vờn.

2.5. Về án phí: Anh Lê Xuân K và chị Nguyễn Thị M nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.624.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Trả lại cho Ngân Hng K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003465 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện T, tHnh phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tHnh phố H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Mến